CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**15**				
1	228224	Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động	2				
2	228040	Mạch điện	3				
3	229100	Tin học	2				
4	228056	Thực tập điện cơ bản	2				
5	222033	Toán ứng dụng A	3				
6	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
7	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5				
Học kỳ 2: 21 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**19**				
8	228039	Lý thuyết điều khiển tự động	3				
9	228047	PLC	2				
10	282255	Kỹ thuật điện tử	2				
11	228090	An toàn điện môi trường công nghiệp	2				
12	228256	Trang bị điện	2				
13	228057	Thực tập điện tử cơ bản	2				
14	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
15	223006	Chính trị 1	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
16.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
16.2	234006	Bóng đá 1	2				
16.3	234007	Bóng rổ 1	2				
16.4	234008	Cầu lông 1	2				
16.5	234009	Aerobic 1	2				

Học phần tự chọn			**2**				
17.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
17.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
Học kỳ 3: 21 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**19**				
18	228261	Kỹ thuật số	2				
19	228042	Matlab trong tự động	2				
20	228263	PLC nâng cao	2				
21	228196	Thực tập PLC	2				
22	228203	Chuyên đề Quản lý tự động hóa tòa nhà (BMS)	1				
23	228054	Thiết bị tự động	2				
24	228258	Thực tập trang bị điện	2				
25	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3				
26	223007	Chính trị 2	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
27.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
27.2	234010	Bóng đá 2	2				
27.3	234011	Bóng rổ 2	2				
27.4	234013	Cầu lông 2	2				
27.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn			**2**				
28.1	222017	Tiếng Việt thực hành B	2				
28.2	226017	Môi trường và con người	2				
Học kỳ 4: 17 Tín chỉ (không tính học phần Kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**15**				
29	228165	Thí nghiệm Điều khiển tự động	1				
30	228202	Chuyên đề Thực tế tại doanh nghiệp (ngành Tự động hóa)	1				
31	228264	Thực tập PLC nâng cao	2				
32	228177	Đồ án Điều khiển tự động	1				
33	228230	Thiết kế tủ điều khiển	2				
34	228077	Tự động hóa công nghiệp	2				
35	228169/ 200004	Anh văn chuyên ngành điều khiển tự động/Tiếng Nhật 4	2				
36	228048	Robot công nghiệp (Điện)	2				
37	226020	Pháp luật đại cương	2				
38	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
39.1	228181	Lý thuyết điều khiển nâng cao	2				
39.2	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2				
39.3	228075	Truyền động điện	2				

39.4	228183	Thiết kế mạch điện tử	2				
Học kỳ 5: 06 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**4**				
40	228182	Mạng truyền thông công nghiệp	2				
41	228185	Thực tập Lắp đặt tủ điều khiển	2				
Học phần tự chọn			**2**				
42.1	228229	Kỹ thuật điện lạnh (chuyên ngành Điện công nghiệp)	2				
42.2	228192	Vi điều khiển	2				
42.3	228060	Thực tập kỹ thuật số	2				
42.4	228257	Trang bị điện nâng cao	2				
Học kỳ 6: 10 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**5**				
43	228248	Thực tập tốt nghiệp (Điều khiển tự động)	5				
Học phần tự chọn			**5**				
44.1	228103	Khóa luận tốt nghiệp	5				
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp							
44.2	228023	Hệ thống SCADA	2				
44.3	228206	Chuyên đề Thiết kế mạch giao tiếp	3				